

CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HSX: TIP)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	23,900 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-10.3%	1.2%	16.8%

Sức mạnh tài chính

Piotroski F - Score

2023

6/9

(Ổn định)

2023

DT thuần

158

tỷ VNĐ

YoY

▼ 65.0

▼ 29.2%

2023

LN sau thuế

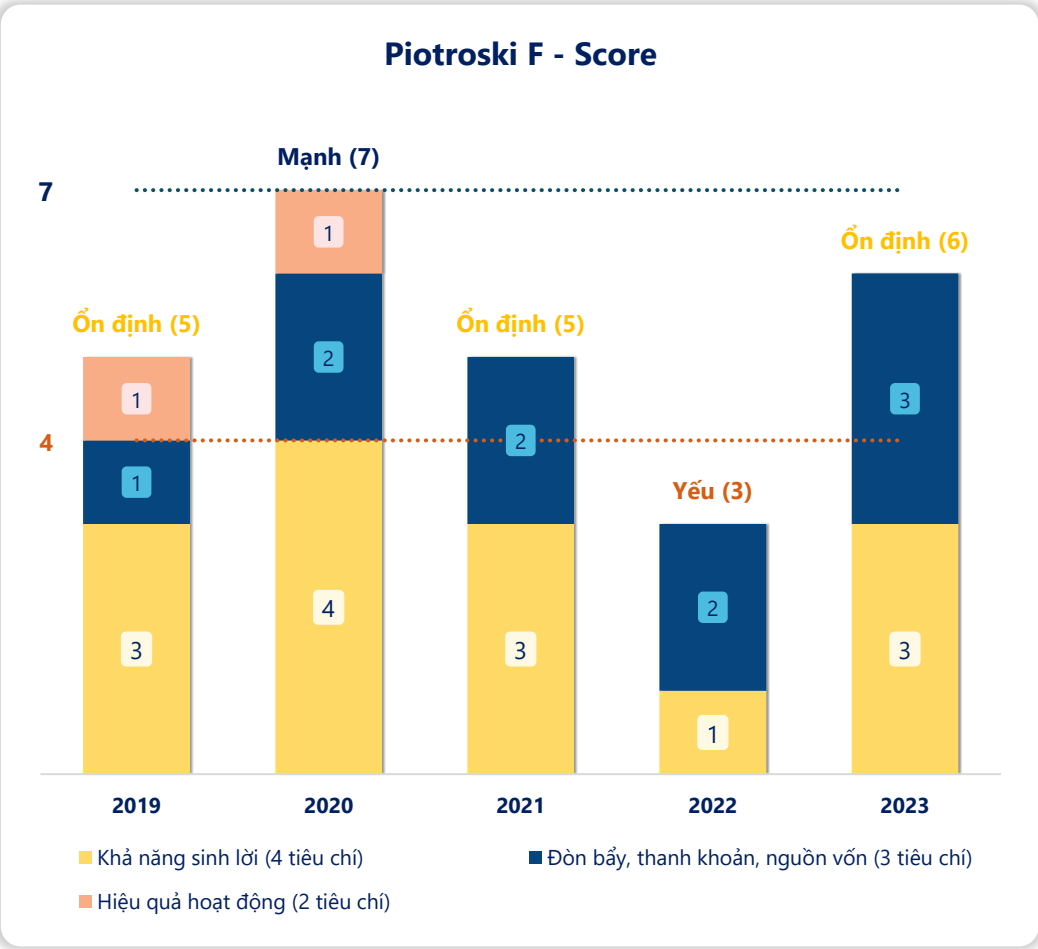
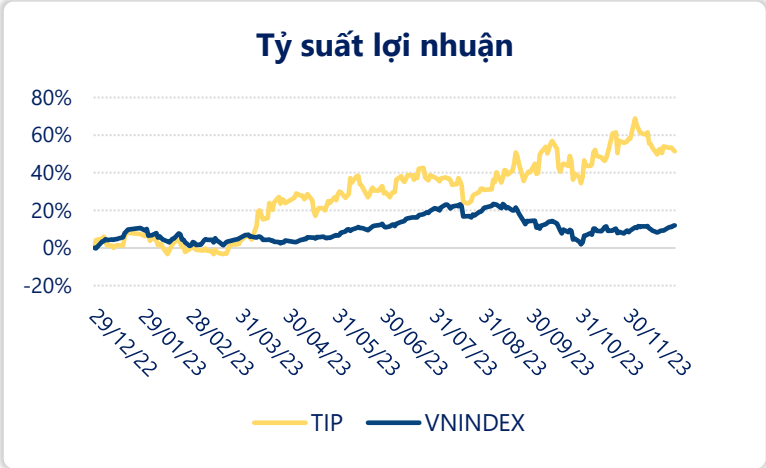
178

tỷ VNĐ

YoY

▲ 74.0

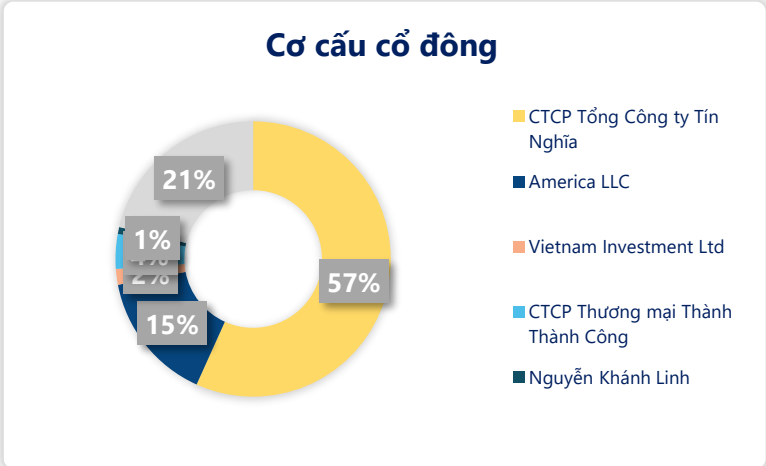
▲ 72.3%



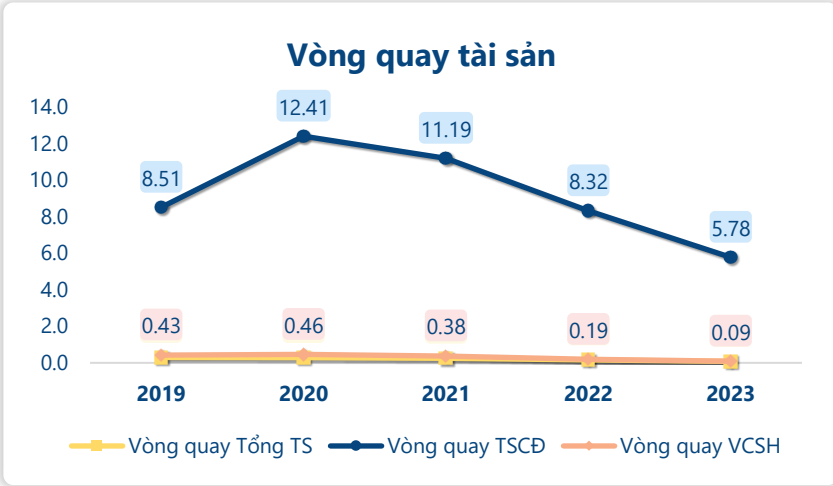
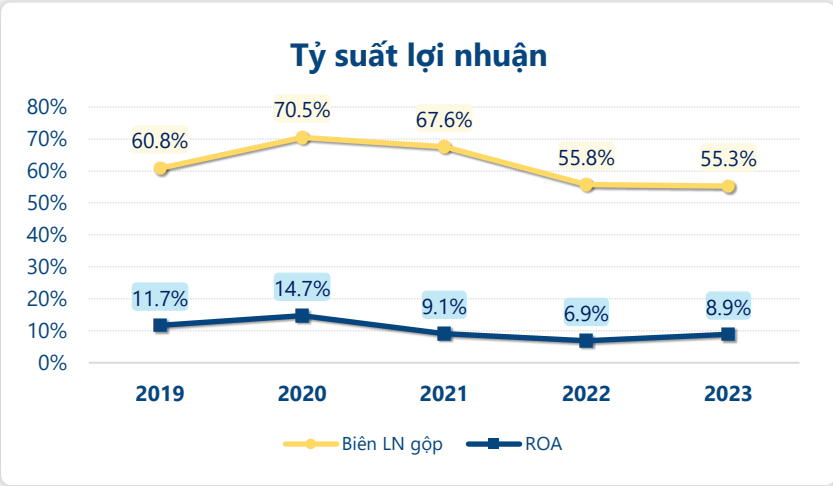
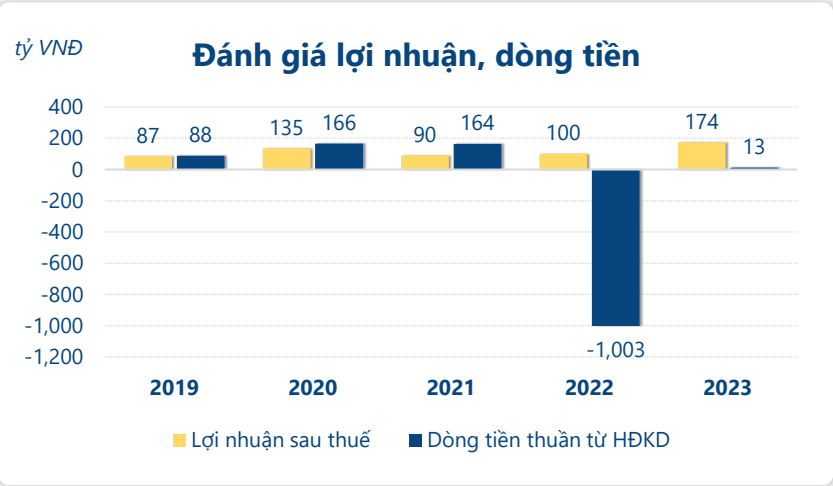
Năm **2023**, F-Score của **TIP** đạt **6/9** cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, thuộc vùng **"Ổn định"**.

Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm **3/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

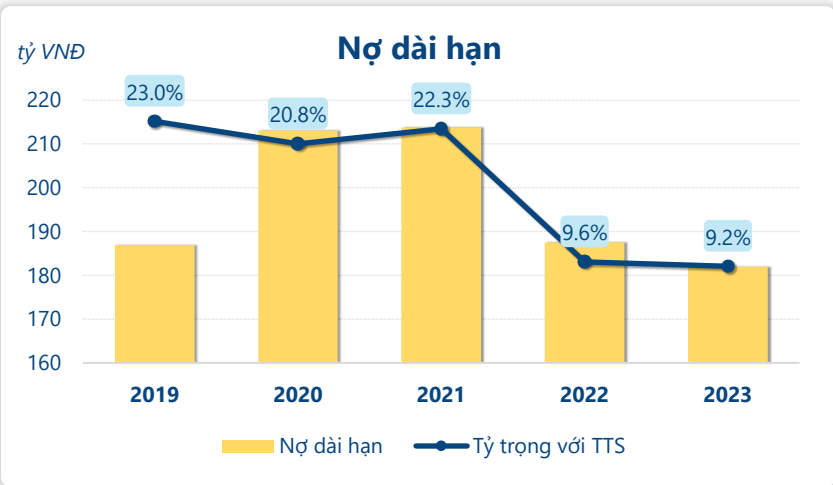
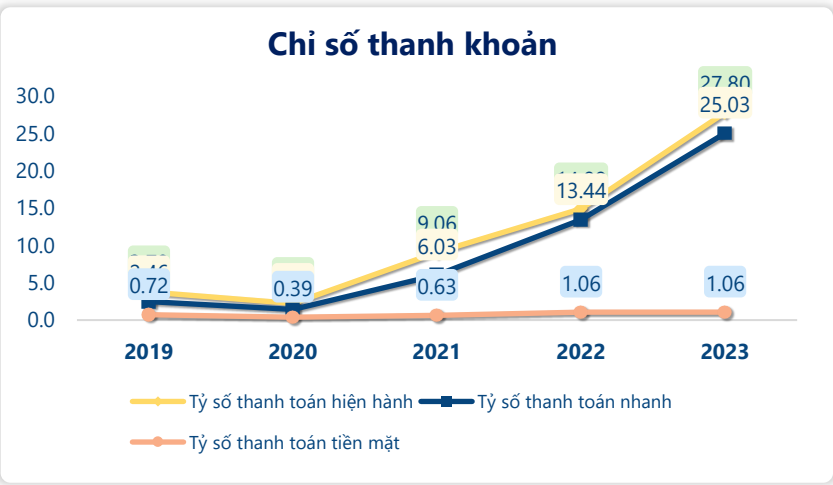
Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.



CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HSX: TIP)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **TIP**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh nhỏ hơn lợi nhuận sau thuế cho thấy chất lượng lợi nhuận không được đánh giá cao nhưng 2 chỉ tiêu này đều dương nghĩa là công ty vẫn tạo ra lợi nhuận và có lượng tiền mặt để duy trì hoạt động. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	2,002	1,950	2.6%
Tài sản ngắn hạn	1,525	1,480	3.0%
Tiền và tương đương tiền	58.4	105	-44.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	76.4	112	-32.0%
Phải thu ngắn hạn	1,236	1,115	10.8%
Hàng tồn kho	152	144	5.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.62	3.09	-15.3%
Tài sản dài hạn	477	470	1.3%
Phải thu dài hạn	21.8	21.8	0.0%
Tài sản cố định	26.2	28.5	-8.1%
Bất động sản đầu tư	23.8	16.0	48.5%
Tài sản dở dang	11.0	16.5	-33.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	356	349	2.0%
Tài sản dài hạn khác	37.5	38.3	-2.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	237	287	-17.5%
Nợ ngắn hạn	54.9	99.4	-44.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.67	5.69	-17.9%
Nợ dài hạn	182	188	-3.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,765	1,663	6.1%
Vốn chủ sở hữu	1,765	1,663	6.1%
Vốn điều lệ	650	650	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	217	261	247	223	158
Giá vốn hàng bán	84.9	77.0	80.3	98.5	70.6
Lợi nhuận gộp	132	184	167	124	87.2
Doanh thu HĐTC	16.4	34.5	25.0	29.7	178
Chi phí TC	0.48	0.05	0.00	0	13.3
Chi phí lãi vay	0.48	0.05	0	0	0
LN trong công ty LKLD	-7.31	-20.6	-37.4	-7.95	-1.40
Chi phí bán hàng	0	0.05	0	0	0
Chi phí QLDN	23.6	23.3	26.8	30.0	31.5
LN thuần từ HĐKD	117	175	128	116	219
Lợi nhuận khác	-2.46	-2.38	-2.57	-3.71	-1.32
LN trước thuế	114	172	125	112	217
Lợi nhuận sau thuế	89.8	138	92.8	104	178
LNST của CĐ cty mẹ	86.8	135	90.2	100	174

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	87.9	166	164	-1,003	12.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-198	-87.4	-117	152	86.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	33.3	-80.8	-90.1	923	-146
Tiền đầu kỳ	156	78.6	76.3	33.2	105
Lưu chuyển tiền thuần	-77.1	-2.32	-43.1	72.1	-46.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	78.6	76.3	33.2	105	58.4